

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 413/2023/KDTM-PT
Ngày 06 tháng 4 năm 2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng hợp tác
kinh doanh”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Quốc Đạt

Bà Hà Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29, 31/3/2023, ngày 06/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 92/2022/KDTM-ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, kháng cáo của đương sự.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 686/2023/QĐ-PT ngày 20/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 1812A/2023/QĐ-PT ngày 08/3/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 3230/2023/QĐ-PT ngày 29/3/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 3230/2023/QĐ-PT ngày 31/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần V; Địa chỉ: Số 02 P, Phường A, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật bà Bùi Phương T, sinh năm 1962; Địa chỉ: 29/7 Nguyễn Văn T, phường Đ, Quận A, Thành phố H (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1985; Địa chỉ: tổ 25, phường N, quận G, Thành phố H (Văn bản ủy quyền số 02/UQ/VP/2022 ngày 08/12/2022).

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A; Địa chỉ: Số 679 Nguyễn K, Phường A, quận V, Thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền ông Kiều Đại B, sinh năm 1972; Địa chỉ liên hệ: 10C T, phường B, Quận A, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2022).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH VK; Địa chỉ: 309/1 H, Phường C, quận P, Thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền ông Võ Thanh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: 118/116 B, Phường C, quận B, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 31/3/2023).

- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM; Địa chỉ: 24A P, Phường D, quận B, Thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Y, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: Nga Thủy, Nga Sơn, T; Địa chỉ liên hệ: 220A H, phường Tân Đ, Quận A, Thành phố H;

Bà Ngô Thị Thu H (vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền ký ngày 26/04/2022 và ngày 09/09/2022).

- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C; Địa chỉ: Tầng 7 Trung tâm thương mại G, số 240-242 P, phường H, thành phố T, Thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền bà Lê Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992 và bà Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1983 (Các văn bản ủy quyền ký ngày 02/12/2021) (cả 02 bà có mặt).

Địa chỉ liên hệ: 240 -242 Phạm Văn Đ, phường H, thành phố T, Thành phố H

- Công ty cổ phần N; Địa chỉ: 18D H, Phường F, quận T, Thành phố H (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bộ Tư lệnh Bộ đội B; Địa chỉ: 01 P, phường N, Quận G, Thành phố H (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

*** Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 15/11/2022.

*** Người kháng cáo:** Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/04/2021 quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/05/2014 Công ty Cổ Phần Vườn Phố (sau đây gọi tắt là Công ty V) ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Thương Mại A (sau đây gọi tắt là Công ty A) về việc sử dụng và khai thác mặt bằng kinh doanh tại số 01 Q, Phường A, quận V, Thành Phố H với diện tích khai thác là 3.467 m², theo hợp đồng số 01/2014/HĐHTKD/VP-AD. Nội dung chính của hợp đồng là trên cơ sở mặt bằng và tài sản mà Công ty Vườn Phố đã đầu tư ban đầu, Công ty A được quyền quản lý, khai thác, sử dụng đất và toàn bộ tổng vốn đầu tư xây dựng công trình, mua sắm tài sản cố định... có trên khuôn viên đất được nêu trên để kinh doanh theo ngành nghề đăng ký. Hàng tháng Công ty A có nghĩa vụ thanh toán khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh cho phía Công ty V với số tiền là 550.000.000 đồng, không bao gồm chi phí xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Thời hạn của hợp đồng hợp tác là 10 năm 07 tháng. Việc thanh toán này phải được thực hiện trước ngày 20 hàng tháng. Tuy nhiên, từ thời điểm tháng 05/2020 đến nay Công ty A không thực hiện nghĩa vụ chuyển tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh cho Công ty V theo thỏa thuận. Công ty V đã nhiều lần thông báo bằng văn bản cho Công ty A nhưng Công ty A vẫn không thực hiện. Căn cứ theo Điều 8 của hợp đồng, Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty A phải thanh toán đầy đủ tiền lợi nhuận tính từ ngày chậm thanh toán đến ngày xét xử. Cụ thể: Số tiền còn lại của tháng 05/2020 chưa thanh toán là 250.000.000 đồng và tiền chưa thanh toán từ tháng 06/2020 đến ngày xét xử là 29 tháng. Tổng cộng số tiền chưa thanh toán là 16.200.000.000 đồng. Chấm dứt hợp đồng và phải bàn giao lại toàn bộ phần diện tích đang quản lý và khai thác tại số 01 Quang Trung, K, Phường A, quận G ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với các yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM (sau đây gọi tắt là Công ty HM) và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C (sau đây gọi tắt là Công ty C), thì Công ty V không đồng ý, vì Công ty V không ký hợp đồng với các công ty này. Các công ty này ký hợp đồng với Công ty A thì có quyền khởi kiện Công ty A.

** Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản công khai chứng cứ người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Do dịch bệnh nên Công ty A có chậm trong việc trả tiền hợp tác kinh doanh. Trong quá trình hợp tác kinh doanh, Công ty A đã nhiều lần nhắc nhở Công ty V xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Ánh Dương nhưng Công ty V không thực hiện. Nay Công ty A đồng ý trả hết tiền hợp tác kinh doanh cho Công ty V nhưng Công ty V phải xuất hóa đơn giá đơn VAT cho Công ty A kể

từ khi bắt đầu hợp tác kinh doanh đến giờ. Đối với yêu cầu chấm dứt hợp đồng, lấy lại mặt bằng thì Công ty A không đồng ý vì chưa hết hạn hợp đồng.

Đối với các yêu cầu độc lập của Công ty HM và Công ty C, nếu có thiệt hại xảy ra thì Công ty A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 26/09/2022 Tòa án nhận được Đơn phản tố của ông Kiều Đại B, đại diện theo ủy quyền của Công ty A có nội dung yêu cầu nguyên đơn Công ty V phải xuất hóa đơn thanh toán khi nhận được tiền đã thanh toán trong nhiều năm qua. Số tiền thuế phải xuất là 2.700.000.000 đồng, cộng với số tiền phạt của thuế địa bàn quản lý trong thời gian chưa có hóa đơn đầu vào tạm tính là 3.000.000.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu Công ty Vườn Phô phải bồi thường khi không có hóa đơn thanh toán cho Công ty Ánh Dương là 5.700.000.000 đồng.

** Theo đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty HM và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty HM trình bày:*

Công ty HM đã ký kết hợp đồng số 001/HĐ/AD/HMS, ngày 19/09/2014 với Công ty A để đầu tư kinh doanh nhà hàng tại khu đất số 01 Quang Trung, Phường 3, quận G, Thành Phố H. Hợp đồng có các nội dung chính như sau:

- Công ty A xác nhận tại thời điểm ký kết hợp đồng là bên đang có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với khu đất có diện tích 1.675m² tại địa chỉ số 01 Q, Phường A, quận G, Thành H, căn cứ theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh số 27/HĐKT ngày 24/01/2005 giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng với Công ty Cổ phần Cộng Đồng; Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2009/HĐKT/VP-CD ngày 20/07/2009 giữa Công ty cổ phần Cộng Đồng với Công ty Vườn Phô và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/HĐHTKD/VP-AD, ngày 14/05/2014 giữa Công ty V với Công ty A.

- Thời hạn hợp tác giữa Công ty HM với Công ty A là 10 năm, kể từ ngày 20/01/2015 đến ngày 19/01/2025.

- Công ty HM phải thanh toán lợi nhuận cố định là 351.525.000 đồng/tháng.

- Công ty HM đã đặt cọc số tiền là 4.218.300.000 đồng và đã đầu tư xây dựng tài sản trên khu đất với chi phí là 28.459.200.217 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty HM luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Ánh Dương đúng hạn, không chậm trễ theo thỏa thuận. Nhưng đến ngày 15/01/2021, Công ty HM có nhận được Công văn số 05/2021/VP-TB của Công ty V thông báo về việc thu hồi mặt bằng, do Công ty Ánh Dương vi phạm hợp đồng số 01/2014/AD-VP.

Trường hợp Công ty V chấm dứt hợp đồng với công ty A sẽ dẫn đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty A với Công ty HM chấm dứt, dẫn đến thiệt hại nghiêm trọng liên quan đến quyền được sử dụng và khai thác giá trị của công trình đầu tư xây dựng trên khu đất của Công ty HM. Do đó, Công ty HM có yêu cầu độc lập như sau:

Yêu cầu Công ty V tiếp tục ký hợp đồng với Công ty HM theo các điều kiện và điều khoản như hợp đồng với Công ty A và không thu thêm tiền cọc.

Trường hợp Công ty V không tiếp tục ký hợp đồng với Công ty HM, thì Công ty V là bên được hưởng toàn bộ giá trị đầu tư trên đất. Do đó, Công ty V phải bồi thường giá trị đầu tư cho Công ty HM là 28.459.200.217 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện Công ty HM rút lại một phần của yêu cầu này. Cụ thể chỉ yêu cầu Công ty V phải bồi thường cho Công ty HM giá trị đầu tư còn lại là 11.197.580.000 đồng.

** Theo đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty C và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty C trình bày:*

Công ty C ký hợp đồng thuê mặt bằng số 02/GGG-ANH DUONG, ngày 30/09/2017 với Công ty A để thuê một phần diện tích 800 m² tầng trệt tại địa chỉ số 01 T, Phường A, quận V. Ngày 07/02/2018 hai bên ký phụ lục thuê thêm 118 m². Trên cơ sở mặt bằng thô được giao, Công ty C đã thực hiện sửa chữa, cải tạo và hoạt động với 3 nhà hàng Hu Tong, Gogi House và Kichi Kichi. Tổng chi phí cải tạo sửa chữa là 8.141.402.703 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại thì giá trị đầu tư còn lại sau khi đã trừ đi giá trị khấu hao tài sản là 2.299.182.616 đồng. Nay Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty A bàn giao lại khu đất, thì Công ty C có yêu cầu độc lập như sau:

Yêu cầu Công ty V tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê với vai trò thừa kế toàn bộ các điều kiện cho thuê được chuyển nhượng từ hợp đồng thuê giữa Công ty A với Công ty C.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V, buộc Công ty A trả lại mặt bằng cho Công ty V, thì Công ty C yêu cầu Công ty V phải hoàn trả lại số tiền giá trị đầu tư còn lại là 2.299.182.616 đồng. Vì toàn bộ giá trị các nhà hàng mà Công ty C đã đầu tư, cải tạo sẽ được Công ty V tiếp nhận sở hữu.

Đối với Công ty A, Công ty C có yêu cầu độc lập buộc Công ty ÁA phải trả lại toàn bộ tiền đặt cọc là 1.456.640.000 đồng. Đồng thời Công ty A còn phải bị phạt cọc khoản tiền tương đương là 1.456.640.000 đồng. Vì nếu Công ty C bị buộc bàn giao lại mặt bằng cho Công ty Vườn Phổ, thì hợp đồng giữa Công ty C và Công ty A sẽ phải chấm dứt.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty C rút lại một phần yêu cầu độc lập. Cụ thể, rút lại khoản yêu cầu Công ty V phải hoàn trả lại số tiền giá trị đầu tư còn lại là 2.299.182.616 đồng và rút lại khoản yêu cầu Công ty A phải trả lại toàn bộ tiền đặt cọc là 1.456.640.000 đồng và tiền phạt cọc tương đương là 1.456.640.000 đồng. Công ty C chỉ yêu cầu Công ty V tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê với vai trò kế thừa toàn bộ các điều kiện cho thuê được chuyển nhượng từ hợp đồng thuê giữa Công ty A với Công ty C.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH VK (sau đây gọi tắt là Công ty VK) do ông Võ Thanh T làm đại diện trình bày:*

Công ty VK thuê lại mặt bằng của Công ty A, hiện nay hợp đồng thuê đã hết thời hạn. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty V, Công ty VK không có ý kiến gì, chỉ có nguyện vọng sau khi lấy lại mặt bằng thì Công ty V tiếp tục cho Công ty VK thuê mặt bằng. Công ty VK đồng ý ký lại hợp đồng mới.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bộ Tư lệnh B có ý kiến trình bày:*

Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 27/HĐHT ngày 24/01/2005 với Công ty Cổ phần N tại số 01 T, Phường A, quận V. Việc tranh chấp giữa các đương sự, Bộ Tư lệnh B không có bất kỳ tranh chấp nào. Đồng thời, Bộ Tư lệnh B yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, kể cả các phiên xét xử của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần N có ý kiến trình bày:*

Việc tranh chấp giữa các đương sự, Công ty Cổ phần N không có tranh chấp nên không có ý kiến gì. Đồng thời, Công ty Cổ phần N yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, kể cả các phiên xét xử của Tòa án.

Bản án kinh doanh thương mại số 92/2022/KDTM-ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 504 của Bộ luật dân sự; Điều 11 Luật thương mại;

- Căn cứ khoản 2, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần V đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A.

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Vườn Phố số tiền 13.200.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/HĐHTKD/VP-AD, ngày 14/05/2014, giữa Công ty Cổ phần V và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A, về việc sử dụng và khai thác mặt bằng kinh doanh tại số 01 T, Phường A, quận V, Thành Phố H.

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A phải có trách nhiệm bàn giao lại cho Công ty Cổ phần Vườn Phố toàn bộ mặt bằng kinh doanh với diện tích là 3.467 m², tại số 01 Q, Phường A, quận V, Thành Phố H, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM đối với nguyên đơn Công ty Cổ phần V về yêu cầu Công ty Cổ phần V tiếp tục ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM theo các điều kiện và điều khoản như hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A và không thu thêm tiền cọc.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM yêu cầu Công ty Cổ phần V phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM giá trị đầu tư còn lại là 11.197.580.000 đồng (Mười một tỷ một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM đối với khoản yêu cầu Công ty Cổ phần V phải bồi thường giá trị đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM là 17.261.620.217 đồng (Mười bảy tỷ hai trăm sáu mươi một triệu sáu trăm hai mươi ngàn hai trăm mười bảy đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C đối với Công ty Cổ phần V về việc yêu cầu Công ty Cổ phần V tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê với vai trò thừa kế toàn bộ các điều kiện cho thuê được chuyển nhượng từ hợp đồng thuê giữa Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C.

Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C đối với khoản yêu cầu Công ty Cổ phần V phải hoàn trả lại số tiền giá trị đầu tư còn lại là 2.299.182.616 đồng (Hai tỷ hai trăm chín mươi chín triệu một trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm mười sáu đồng) và khoản yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A phải trả lại toàn bộ tiền đặt cọc là 1.456.640.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) và tiền phạt cọc tương đương là 1.456.640.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C và Công ty TNHH VK phải có trách nhiệm cùng với Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A bàn giao lại toàn bộ khu đất tọa lạc tại địa chỉ số 01 Q, Phường 3, quận V, Thành Phố H cho Công ty Cổ phần V ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: (Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án số 127/2022/QĐ SCBSBA ngày 14/11/2022).

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 124.200.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu độc lập không được chấp nhận 122.197.580 đồng được căn trừ vào số tiền 68.229.600 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0047599, ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM còn phải nộp thêm 53.967.980 đồng.

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu độc lập không được chấp nhận là 3.000.000 đồng, được trừ vào số tiền 38.991.826 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0047572, ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C được hoàn lại 35.991.826 đồng. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C còn được hoàn lại số tiền 45.132.800 đồng theo biên lai số 0047571, ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Vườn Phố được hoàn lại số tiền 57.025.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0028321, ngày 15/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/11/2022, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 15/11/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/QĐKNPT-VKS-KDTM đối với bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng tại khoản 3 Điều 200 và thủ tục phản tố Điều 202, khoản 3 Điều 209 của Bộ luật tố tụng dân sự khi chưa có sự chấp thuận của các bên về việc thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong phiên hòa giải hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ để công khai. Bị đơn đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn trình bày: không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị y án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về việc kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị:

- Kháng nghị về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng:

Bị đơn Công ty A là pháp nhân do đó theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, văn bản tố tụng phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý từ ngày 16/04/2021 đến khi bị đơn có ủy quyền cho người đại diện là ông Kiều Đại Bằng vào ngày 10/02/2022 thì Tòa án đã không tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng bao gồm thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự, thông báo về việc thụ lý yêu cầu độc lập cho bà Trần Thị Thúy H - người đại diện theo pháp luật của Công ty A là có vi phạm khoản 1 Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

- Về việc tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Theo quy định, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trường hợp có đương sự vắng mặt nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành phiên họp và việc tiến hành phiên họp đó không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì Thẩm phán tiến hành phiên họp giữa các đương sự có mặt. Sau khi tiến hành phiên họp thì Tòa án phải thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự vắng mặt được biết. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nhận thấy tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 16/12/2021; 14/02/2022 đều không có sự tham gia của bị đơn – Công ty A. Tuy nhiên, Tòa án đã không ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để thông báo cho Công ty A biết về các nội dung của phiên họp cũng như các tài liệu, chứng cứ các bên đã giao nộp và Tòa án có thu thập được là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/12/2021, 14/02/2022, 06/04/2022 thực hiện không đúng hướng dẫn theo mẫu.

- Về án phí: Bản án đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm cả yêu cầu về việc chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/HĐHTKD/VP-AD và buộc Công ty A bàn giao lại toàn bộ mặt bằng kinh doanh cho Vườn Phố nhưng lại không tuyên Công ty A phải chịu án phí không có giá ngạch 3.000.000 đồng đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn

được chấp nhận là có thiếu sót, làm ảnh hưởng đến việc thu và nộp án phí vào Ngân sách Nhà nước.

Bản án đã tuyên bác yêu cầu độc lập của Công ty HM về việc yêu cầu Công ty Vườn Phổ tiếp tục ký hợp đồng với Công ty HM theo các điều kiện và điều khoản như hợp đồng với Công ty A và không thu thêm tiền cọc. Đồng thời, Bản án cũng tuyên bác yêu cầu độc lập của Công ty C đối với Công ty V về việc yêu cầu Công ty V tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê với vai trò thừa kế toàn bộ các điều kiện cho thuê được chuyển nhượng từ hợp đồng thuê giữa Công ty A với Công ty C.

Do đó, trong trường hợp này, Công ty C và Công ty HM phải chịu án phí không có giá ngạch số tiền là 3.000.000 đồng đối với phần yêu cầu bị Tòa án tuyên không chấp nhận. Tuy nhiên, Bản án chỉ tuyên Công ty C và Công ty HM phải chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến việc thu và nộp án phí vào Ngân sách Nhà nước

- Về lãi suất chậm thi hành án trong vụ án kinh doanh thương mại Tại Mục [6] phần Quyết định của Bản án tuyên về nghĩa vụ thi hành án tuyên:

“Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án ...” Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về việc Quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án thì: “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. “Mức lãi suất hai bên thỏa thuận” hướng dẫn theo quy định là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn”. Trong vụ án trên, căn cứ khoản 8.3. Điều 8 Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa nguyên đơn - Công ty V và bị đơn – Công ty A thì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi khi chậm thanh toán theo mức lãi suất chậm trả của tín dụng ngân hàng trên số tiền chậm thanh toán. Thời hạn chậm trả không được kéo dài quá 60 ngày. Sau ngày này bên vi phạm sẽ phải chịu thêm tiền phạt 10%/tháng trên số tiền chậm trả cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ của mình. Do đó, theo quy định thì tiền lãi của việc chậm thi hành án trong trường hợp này phải tính theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận. Việc Bản án tuyên mức lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là chưa phù hợp với quy định tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

Nhận thấy Bản án sơ thẩm có những vi phạm về tố tụng, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã sửa đổi sai sót án phí bằng Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án số 127/2022/QĐ SCBSBA ngày 14/11/2022 căn cứ theo khoản 2 Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm về tổng đạt cho pháp nhân mà không tổng đạt cho người đại diện theo pháp luật nhưng giai đoạn sau khi có ủy quyền thì tòa án tổng đạt hợp lệ đúng quy định nên không cần thiết phải hủy án.

Đề nghị cấp phúc thẩm:

+ Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 15/11/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 92/2022/KDTM-ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 05/4/2021 của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là “Tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh”.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0308055555 đăng ký lần đầu ngày 28/3/2009 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 07/5/2014 tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện, bị đơn có trụ sở tại 679 N, Phường A, quận G, Thành phố H nên Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 92/2022/KDTM-ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, ngày 11/11/2022 bị đơn kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của Công ty A làm trong hạn luật định và đã làm thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

Về thời hạn kháng nghị: Bản án sơ thẩm xét xử ngày 02/11/2022; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh kháng

nghe ngày 15/11/2022, giao cho tòa ngày 16/11/2022. Như vậy, việc kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh còn trong thời hạn theo qui định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn là Công ty A: Trong quá trình hòa giải và tại buổi cung cấp tài liệu chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử công khai không có mặt của các bên có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng như các bên có yêu cầu độc lập để hòa giải và cung cấp chứng cứ. Trước phiên xét xử Thẩm phán không gửi Quyết định xét xử cho bị đơn để bị đơn biết Hội đồng xét xử gồm những ai, ngay tại phiên tòa công khai lúc 8h30 ngày 26/10/2022 người đại diện bị đơn nộp đơn yêu cầu cung cấp chứng cứ và tài liệu phản tố tại Tòa cũng không được chấp thuận. Thẩm phán thụ lý vụ việc đã vi phạm thủ tục tố tụng tại Khoản 3 Điều 200 và thủ tục yêu cầu phản tố Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự, những căn cứ trên là những chứng cứ khách quan và thực tế của cơ quan quản lý thuế địa phương, cũng như căn cứ Khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự chưa có biên bản chấp thuận của các bên về việc thiếu người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong các phiên hòa giải hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ để xét xử

Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 441/2022/XXST-KDTM ngày 09/9/2022 (xử lúc 8 giờ 30 phút ngày 05/10/2022), bị đơn không nộp đơn phản tố. Sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ngày 26/09/2022, đại diện bị đơn mới nộp đơn phản tố. Như vậy, đơn phản tố của đại diện bị đơn được đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại tòa phúc thẩm đại diện bị đơn cho rằng Công ty A không được tham gia kiểm tra chứng cứ, Thừa phát lại niêm yết bị đơn không biết. Qua các tài liệu có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận thấy Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01 ngày 24/11/2021 mời 8 giờ 30 phút ngày 16/12/2021 được niêm yết ngày 26/11/2021. Ngày 19/01/2022 tòa cấp sơ thẩm ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 02 mời 8 giờ 30 phút ngày 14/02/2022 và niêm yết ngày 22/01/2022. Theo các tài liệu có trong hồ sơ các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đều có sự tham gia của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các bên có yêu cầu độc lập như Công ty VK, Công ty HM, Công ty C, riêng Công ty N và Bộ tư lệnh B cho rằng đây là tranh chấp dân sự giữa Công ty V và Công ty A không có liên quan nên yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vậy việc kháng cáo của bị đơn cho rằng chưa có biên bản chấp thuận của các bên về việc

thiếu người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong các phiên hòa giải hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ là không có cơ sở.

Ngày 06/4/2022 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp có phiên hòa giải không lập Biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ vì ngày 06/4/2022 không có thêm tài liệu chứng cứ nào khác đã được công bố nên việc đại diện bị đơn cho rằng không được kiểm tra chứng cứ là không phù hợp. Tại tòa phúc thẩm đại diện bị đơn khai sau khi được ủy quyền bị đơn không nộp thêm chứng cứ nào vì hợp đồng hợp tác bị đơn cũng chỉ giữ bản phô tô, sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng Thẩm phán mời lên kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 24/9/2022 nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Các đương sự khác tham gia phiên tòa xác nhận sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì cấp sơ thẩm không kiểm tra chứng cứ là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ nên trình bày của đại diện bị đơn không có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý và giải quyết đơn phản tố của đại diện bị đơn là phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.2] Đối với lý do trước phiên xét xử Thẩm phán không gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn để bị đơn biết Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm những ai Hội đồng xét xử xét thấy tại Biên bản giao ngày 09/9/2022 thể hiện ông Tô Văn M – Thẩm phán giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 441/2022/XXST-KDTM ngày 09/9/2022 cho ông Kiều Đại B đại diện theo ủy quyền của bị đơn để tham gia phiên tòa lúc 8 giờ 30 phút ngày 05/10/2022. Biên bản giao ngày 18/10/2022 thể hiện ông Tô Văn M – Thẩm phán giao Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa số 381/QĐST-KDTM ngày 05/10/2022 cho ông Kiều Đại B đại diện theo ủy quyền của bị đơn để tham gia phiên tòa lúc 8 giờ 30 phút ngày 26/10/2022. Như vậy Tòa án đã thực hiện tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn đúng theo quy định nên bị đơn kháng cáo lý do này không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

[3.1] Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng:

Bị đơn Công ty A là pháp nhân do đó theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, văn bản tố tụng phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0308055555 đăng ký lần đầu ngày 28/3/2009 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 07/5/2014 và tại đơn kháng cáo thì Công ty A có trụ sở chính 679 Nguyễn Kiệm, Phường

3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy tại thời điểm từ khi thụ lý từ ngày 16/04/2021 đến ngày 10/02/2022 tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng tại địa chỉ 679 N, Phường A, quận V, Thành phố H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 179, 178 Bộ luật tố tụng dân sự (Thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cơ quan, tổ chức “*Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo là cơ quan, tổ chức thì văn bản tố tụng phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó và phải được những người này ký nhận....*”). Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp cho rằng không tổng đạt cho bà Trần Thị Thúy H - người đại diện theo pháp luật của Công ty A là có vi phạm khoản 1 Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Thực tế khi tổng đạt tại địa chỉ công ty thì Công ty A vẫn biết và đã làm thủ tục ủy quyền cho người đại diện để tham gia tố tụng.

[3.2] Tòa án đã không ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để thông báo cho Công ty A biết về các nội dung của phiên họp cũng như các tài liệu, chứng cứ các bên đã giao nộp và Tòa án có thu thập được là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, các biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện chưa đúng hướng dẫn theo mẫu. Hội đồng xét xử xét thấy kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên thiếu sót này cũng không làm thay đổi bản chất vụ án, không cần thiết phải hủy án, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3.3] Về án phí kinh doanh thương mại: Bản án không tuyên Công ty A phải chịu án phí không có giá ngạch 3.000.000 đồng; bác yêu cầu độc lập của Công ty HM, bác yêu cầu độc lập của Công ty C đối với Công ty V nên Công ty C và Công ty HM phải chịu án phí không có giá ngạch số tiền là 3.000.000 đồng đối với phần yêu cầu bị Tòa án tuyên không chấp nhận. Tuy nhiên, Bản án chỉ tuyên Công ty C và Công ty HM phải chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến việc thu và nộp án phí vào Ngân sách Nhà nước.

Xét ngày 15/11/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/QĐKNPT-VKS-KDTM và giao cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp vào ngày 16/11/2022. Ngày 14/11/2022 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 127/2022/QĐ-SCBSBA tuy nhiên đến ngày 17/11/2022 mới giao Quyết định này cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, vì vậy kháng nghị về phần tiền án phí của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là phù hợp, có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 127/2022/QĐ-SCBSBA khắc phục phần thiếu sót này nên không cần thiết phải hủy án theo đề nghị của kháng nghị.

[3.4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Xét tại khoản 8.3 Điều 8 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa nguyên đơn - Công ty V và bị đơn – Công ty A thì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi khi chậm thanh toán theo mức lãi suất chậm trả của tín dụng ngân hàng trên số tiền chậm thanh toán: “Nếu bên nào không thanh toán đúng hạn cho bên kia sẽ phải chịu phạt nộp cho bên kia số tiền lãi theo lãi suất chậm trả của tín dụng ngân hàng trên số tiền chậm thanh toán. Tuy nhiên, thời hạn chậm trả không được kéo dài quá 60 ngày. Sau ngày này, bên vi phạm sẽ phải chịu thêm tiền phạt 10%/tháng trên số tiền chậm trả cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ của mình”. Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tiền phạt chậm trả nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như sơ thẩm ghi và đây là vụ án kinh doanh thương mại nên cấp sơ thẩm áp dụng khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại và theo quy định Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP (vì các bên thỏa thuận lãi suất chậm trả chưa cụ thể để áp dụng).

Do đây là vụ án kinh doanh thương mại nên áp dụng Luật thương mại không áp dụng Bộ luật dân sự như kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị đơn đồng ý trả hết tiền hợp tác kinh doanh cho Công ty V nhưng Công ty V phải xuất hóa đơn VAT cho Công ty A kể từ khi bắt đầu hợp tác kinh doanh đến nay. Xét thấy theo mục 4.2 Điều 4 của Hợp đồng thể hiện: *“Hàng tháng bên A nộp cho bên B một khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh là 550.000.000 đồng, không bao gồm chi phí xuất hóa đơn giá trị gia tăng.”*

Tại mục 4.1 Điều 4 của Hợp đồng thể hiện: *“Bên A toàn quyền và trực tiếp điều hành, quản lý kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh tại Điều 1 của hợp đồng, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạch toán kinh doanh.”* Trong suốt thời gian hợp tác kinh doanh từ năm 2014 đến năm 2020 Công ty A đã thực hiện đúng thỏa thuận hàng tháng thanh toán cho Công ty V số tiền 550.000.000 đồng mà không yêu cầu Công ty Vườn Phổ phải xuất hóa đơn. Nay Công ty A lại yêu cầu Công ty V phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty A kể từ khi bắt đầu hợp tác kinh doanh mới chịu thanh toán là không phù hợp.

Do Công ty A đã vi phạm hợp đồng về điều khoản thanh toán, nên yêu cầu chấm dứt hợp đồng, lấy lại mặt bằng và Công ty A phải thanh toán khoản tiền lợi nhuận còn thiếu là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty V là có căn cứ.

Từ những lập luận nêu trên nhận thấy các lý do kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Các phần khác của án sơ thẩm không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xét.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của Công ty A không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty A phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 15/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A.

3. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 92/2022/KDTM-ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án số 127/2022/QĐ SCBSBA ngày 14/11/2022.

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần V đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A.

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần V số tiền 13.200.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/HĐHTKD/VP-AD, ngày 14/05/2014, giữa Công ty Cổ phần V và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A, về việc sử dụng và khai thác mặt bằng kinh doanh tại số 01 Q, Phường A, quận V, Thành Phố H.

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A phải có trách nhiệm bàn giao lại cho Công ty Cổ phần V toàn bộ mặt bằng kinh doanh với diện tích là 3.467 m², tại số 01 Q, Phường A, quận V, Thành Phố H, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM đối với nguyên đơn Công ty Cổ phần V về yêu cầu Công ty Cổ phần V tiếp tục ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM theo các điều kiện và điều khoản như hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A và không thu thêm tiền cọc.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM yêu cầu Công ty Cổ phần V phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM giá trị đầu tư còn lại là 11.197.580.000 đồng (Mười một tỷ một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM đối với khoản yêu cầu Công ty Cổ phần Vườn Phố phải bồi thường giá trị đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM là 17.261.620.217 đồng (Mười bảy tỷ hai trăm sáu mươi một triệu sáu trăm hai mươi ngàn hai trăm mười bảy đồng).

3.3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C đối với Công ty Cổ phần V về việc yêu cầu Công ty Cổ phần V tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê với vai trò thừa kế toàn bộ các điều kiện cho thuê được chuyển nhượng từ hợp đồng thuê giữa Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C.

Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C đối với khoản yêu cầu Công ty Cổ phần V phải hoàn trả lại số tiền giá trị đầu tư còn lại là 2.299.182.616 đồng (Hai tỷ hai trăm chín mươi chín triệu một trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm mười sáu đồng) và khoản yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A phải trả lại toàn bộ tiền đặt cọc là 1.456.640.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) và tiền phạt cọc tương đương là 1.456.640.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C và Công ty TNHH VK phải có trách nhiệm cùng với Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Ábàn giao lại toàn bộ khu đất tọa lạc tại địa chỉ số 01 Q, Phường A, quận V, Thành Phố H cho Công ty Cổ phần V ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 124.200.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu độc lập không được chấp nhận 122.197.580 đồng được căn trừ vào số tiền 68.229.600 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0047599, ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quảng Trường HM còn phải nộp thêm 53.967.980 đồng.

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu độc lập không được chấp nhận là 3.000.000 đồng, được căn trừ vào số tiền 38.991.826 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0047572, ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C được hoàn lại 35.991.826 đồng. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng còn được hoàn lại số tiền 45.132.800 đồng theo biên lai số 0047571, ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần V được hoàn lại số tiền 57.025.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0028321, ngày 15/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại A phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/12075 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Gò Vấp;
- TAND quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Thảo